

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Vui

Ông Trịnh Văn Đoan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị K, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 02, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Điều Y, sinh năm 1980. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 02, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị K trình bày:*

Chị Thị K và anh Điều Y tự nguyện về chung sống với nhau năm 2001 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên ăn nhậu rồi về kiểm chuyện đánh đập vợ con, công khai hình ảnh thân mật với người phụ nữ khác trên Zalo, facebook. Chị K đã nhiều lần tha thứ, tạo cơ hội cho anh Điều Y sửa đổi nhưng anh Điều Y không thay đổi. Từ năm 2021, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Điều Y.

Về con chung: Anh Điều Y và chị K có 03 người con chung tên Thị Thúy H - sinh năm 2002, Điều Phi H1 - sinh ngày 08/7/2014 và Điều Thi T – sinh ngày 10/9/2017. Khi ly hôn, chị Kyêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con Điều Phi H1 và Điều Thi T, không yêu cầu anh Điều Y cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Thị Thúy H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2022, bị đơn anh Điều Y trình bày:*

Anh Điều Y và chị K tự nguyện về chung sống với nhau năm 2000 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị K đi làm công ty thì có hay nhắn tin, điện thoại với người khác, lưu tên là “chồng yêu” nên anh Điều Y giật và đập điện thoại của chị K khiến chị K tức giận đòi ly hôn. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh Điều Y không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều Y cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị K và anh Điều Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị K và anh Điều Y theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị K thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Anh Điều Y và chị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2007. Mặc dù các bên không thống nhất về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn nhưng căn cứ biên bản xác minh ngày 04/5/2022 thì trong quá trình chung sống, anh Y và chị K thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, anh Y

thường xuyên ăn nhậu say xỉn về đánh chửi vợ con. Từ năm 2021, cả 02 đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ đó cho đến nay khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh Điều Y không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy chị K và anh Điều Y đã không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị K yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc ly hôn với anh Điều Y.

Về con chung: Anh Điều Y, chị K có 03 người con tên Thị Thúy H, sinh năm 2002, Điều Phi H1 sinh ngày 08/7/2014 và Điều Thi T – sinh ngày 10/9/2017. Khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 cháu H1 và cháu T, anh Điều Y không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu H1 và cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, các cháu đang chung sống ổn định với chị K, cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống cùng chị K. Vì vậy, cần giao cháu H1 và cháu T cho chị K trực tiếp chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Điều Y cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị K và anh Điều Y

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/KH ngày 09/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Điều Phi H1 sinh ngày 08/7/2014 và Điều Thi T – sinh ngày 10/9/2017 cho chị Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Thị K phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013787 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Minh Hải**